

Bản án số: 2197/2017/KDTM-ST

Ngày: 26/9/2017

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Lan Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Lê Mỹ Phương – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1461/2016/TLST- KDTM ngày 11 tháng 8 năm 2016 về Tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2017/QĐST-KDTM ngày 09/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 276/2017/QĐST-KDTM ngày 05/9/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty C; địa chỉ: Đường L, phường P, Quận A, Thành phố H

Đại diện hợp pháp: Ông Vũ C (Văn bản ủy quyền ngày 28/7/2016)

Bị đơn: Công ty B; địa chỉ: Đường K, Phường A, quận B, Thành phố H.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản của Tòa án, nguyên đơn là Công ty C do ông Vũ C đại diện trình bày: Ngày 18/3/2015 Công ty C và Công ty cổ phần B(nay là Công ty B) đã ký hợp đồng dịch vụ bảo vệ số BC-CSC 18/03-2015 với nội dung Công ty C cung cấp dịch vụ bảo vệ tài sản và an ninh trật tự cho Công ty B từ ngày 18/3/2015 đến ngày 17/3/2016. Hàng tháng, Công ty C sẽ cung cấp hóa đơn tài chính, giấy đề nghị thanh toán cho Công ty B và Công ty B trả tiền sau đó 30 ngày. Nếu vi phạm thời hạn thanh toán sẽ phải trả lãi là 0.01%/ngày.

Từ tháng 3/2015 đến tháng 10/2015 Công ty B nợ Công ty C 73.451.613 đồng nhưng đến ngày 14/10/2015 Công ty B mới thanh toán 15.000.000 đồng. Mặc dù vậy, Công ty C vẫn cung cấp dịch vụ bảo vệ cho Công ty B cho đến ngày 17/11/2015 mới thông báo về việc chấm dứt hợp đồng. Tính đến ngày 17/11/2015,

Công ty B còn nợ Công ty C 117.301.613 đồng. Trong đó, Công ty C đã cung cấp các hóa đơn giá trị gia tăng số 001685 cho số tiền 60.246.078 đồng, hóa đơn số 001766 cho số tiền 16.963.650 đồng. Số tiền còn lại nguyên đơn chưa xuất hóa đơn cho Công ty B. Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty B phải trả số tiền 117.301.613 đồng và tiền phạt chậm thanh toán với lãi suất 0.01%/ngày tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến ngày Tòa xét xử vụ án.

Ngày 20/7/2017, Công ty C rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty B trả số tiền 42.350.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán đối với số nợ gốc này. Công ty C yêu cầu Công ty B phải trả số tiền tiền nợ gốc là 74.951.613 đồng và tiền lãi tính từ ngày vi phạm thời hạn thanh toán đến ngày Tòa án xét xử vụ án với mức lãi suất là 0.01%/ngày (0.3%/tháng)

Bị đơn là Công ty B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa án, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Ngoại trừ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, vi phạm thời hạn giao thông báo thụ lý, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hợp đồng dịch vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nguyên đơn và bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên tòa vào ngày 05/9/2017 và ngày 26/9/2017 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung:

Ngày 20/7/2017 nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 42.350.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán đối với số nợ gốc này. Xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 74.951.613 đồng và tiền lãi tính từ ngày vi phạm thời hạn thanh toán đến ngày Tòa án xét xử vụ án với mức lãi suất là 0.01%/ngày (0.3%/tháng) làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thấy: Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số BC-CSC 18/03-2015 ngày 18/3/2015 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn phù hợp với các quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 24 Luật Thương mại năm 2005. Do đó, đây là hợp đồng có hiệu lực và các bên có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng.

Căn cứ hợp đồng dịch vụ bảo vệ số BC-CSC 18/03-2015 ngày 18/3/2015, Hóa đơn giá trị gia tăng số 001685 ngày 12/8/2015, Hóa đơn số 001766 ngày 07/9/2015 và công văn số 11116/CCT-KTT3 ngày 31/7/2017 của Chi cục Thuế quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có đủ cơ sở để xác định nguyên đơn đã cung cấp dịch vụ bảo vệ cho bị đơn từ tháng 3/2015 đến tháng 8/2015, tổng phí dịch vụ là 89.951.613 đồng và bị đơn đã kê khai kỳ tính thuế Quý 3/2015 đối với các hóa đơn giá trị gia tăng nói trên. Theo điểm 6.2.1 khoản 6.2 Điều 6 của hợp đồng dịch vụ bảo vệ số BC-CSC 18/03-2015, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền cho nguyên đơn “từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng, sau 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được bản xác nhận công việc thực hiện, đề nghị thanh toán và hóa đơn tài chính hợp lệ” và giá trị thanh toán là giá trị trên hóa đơn. Tuy nhiên, tính đến ngày 14/10/2015, bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn 15.000.000 đồng. Số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 74.951.613 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 85 Luật Thương mại năm 2005, khách hàng có nghĩa vụ “Thanh toán tiền cung ứng dịch vụ như đã thỏa thuận trong hợp đồng”, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc 74.951.613 đồng là có cơ sở.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005 “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các khoản chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Căn cứ điểm 6.2.3 khoản 6.2 Điều 6 của hợp đồng dịch vụ bảo vệ số BC-CSC 18/03-2015 ngày 18/3/2015 “Trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B, bên B có quyền áp dụng mức phạt 0.01% mỗi ngày trên số tiền chậm thanh toán”, bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán với mức lãi suất là 0.01%/ngày tính từ ngày vi phạm thời hạn thanh toán đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Theo thỏa thuận, ngày thanh toán là từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng, sau 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận hóa đơn tài chính hợp lệ, số tiền lãi bị đơn phải trả như sau:

- Đối với số tiền 73.451.613 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 001685 ngày 12/8/2015, tính lãi từ ngày 06/10/2015 đến ngày 14/10/2017 do bị đơn đã trả 15.000.000 đồng, số còn lại tính lãi đến ngày 26/9/2017:

$73.451.613 \text{ đồng} \times 0.01\%/\text{ngày} \times 08 \text{ ngày} + 58.451.613 \text{ đồng} \times 0.01\%/\text{ngày} \times 711 \text{ ngày} = 4.214.671 \text{ đồng}.$

- Đối với số tiền 16.500.000 đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 001766 ngày 07/9/2015, tính lãi từ ngày 06/11/2015 đến ngày 26/9/2017:

$16.500.000 \text{ đồng} \times 0.01\%/\text{ngày} \times 660 \text{ ngày} = 1.089.000 \text{ đồng}.$

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại, yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi do bị đơn vi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là có cơ sở chấp nhận. Bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi là 80.255.284 (Tám mươi triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi bốn) đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm.

Hoàn tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 24, khoản 1 Điều 85, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty C về việc buộc Công ty B (tên cũ là Công ty cổ phần B) phải trả số tiền phí dịch vụ là 42.350.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán đối với số nợ này.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Công ty C:

Công ty B(tên cũ là Công ty cổ phần B) phải trả cho Công ty C số tiền 80.255.284 (Tám mươi triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi bốn) đồng theo Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số BC-CSC 18/03-2015 ngày 18/3/2015 làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty B chưa thi hành số tiền nêu trên thì Công ty B còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí KDTM sơ thẩm: Công ty B phải nộp là 4.012.764 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí là 3.014.00000 đồng cho Công ty C theo biên lai thu số 0002508 ngày 10/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh